

CƠ CẤU GIAI TẦNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ

LÊ VĂN TOÀN*

Cơ cấu giai tầng xã hội ở nước ta hiện nay rất đa dạng, các giai cấp, tầng lớp xã hội chưa định hình rõ rệt và đang trong quá trình phát triển với kết cấu phức tạp, biến động thường xuyên ngay trong từng giai cấp, tầng lớp xã hội. Cơ cấu giai tầng xã hội tồn tại lâu dài theo tiến trình lịch sử phát triển của các xã hội. Nó phản ánh sự bất bình đẳng mang tính cấu trúc của tất cả các xã hội, song cơ cấu đó không phải là bất biến mà có sự biến đổi. Đó là sự di chuyển từ giai cấp, tầng lớp này sang giai cấp, tầng lớp khác trong cơ cấu xã hội hoặc trong nội bộ các giai cấp, tầng lớp. Mức độ biến đổi của cơ cấu giai tầng xã hội sẽ khác nhau trong mỗi thời kỳ lịch sử và các xã hội khác nhau.

1. Cơ cấu giai tầng xã hội thời kỳ dựng nước đến năm 1858

Trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam, sự phân hoá xã hội đã từng xuất hiện và tồn tại lâu dài. Ngay ở xã hội thời kỳ văn hoá Đông Sơn sự phân hoá theo hai cực chưa sâu sắc, mức độ phân hoá chưa cao, song tình trạng phân biệt về của cải và thân phận con người đã rõ ràng: hạng người giàu, người nghèo, người sang, người hèn. Trong xã hội, vai trò của người đàn ông được nâng cao, công xã thị tộc dần dần tan rã và thay thế vào đó là một hình thức xã hội mới: công xã nông thôn - đặc trưng cho giai đoạn quá độ sang xã hội có giai cấp.

Đến cuối thế kỷ thứ X, cơ cấu giai tầng xã hội có nhiều biến đổi so với trước nhưng vẫn chưa đạt được sự chuyển biến cơ bản: "... trong xã hội vẫn bao gồm 3 tầng lớp chính là tầng lớp thống trị, tầng lớp nông dân công xã và tầng lớp nô tỳ"⁽¹⁾. Tầng lớp thống trị bao gồm quý tộc, quan lại và một số hào trưởng, lệnh tộc là những người có quyền lực chi phối cả về kinh tế, chính trị, xã hội. Tầng

* NCS. Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

lớp nông dân công xã là nhóm người giữ vai trò lực lượng sản xuất chủ yếu trong xã hội. Họ là tầng lớp đông đảo nhất, chiếm tuyệt đại đa số trong xã hội. Họ nhận ruộng đất của công xã để cày cấy và có nghĩa vụ đóng góp đối với công xã, với nhà nước thông qua tầng lớp thống trị. Nô tì là tầng lớp thấp nhất trong xã hội, vì nghèo khổ hay vì phạm tục lệ của công xã nên bị bắt làm nô tì phục vụ trong các gia đình quý tộc, hào trưởng.

Từ thế kỷ XI đến giữa thế kỷ XIX, sự phân hoá ruộng đất diễn ra mạnh mẽ, mà hệ quả trực tiếp của nó là sự phân hoá giai cấp được đẩy mạnh thêm một bước. Sự phân hoá xã hội đã diễn ra nhưng ở trình độ chưa cao và quan hệ giai cấp không thể phát triển đến mức triệt để, mâu thuẫn giai cấp chưa thật sự gay gắt. Ở xã hội đó, địa chủ và nông dân xét về mặt giai cấp không tạo nên một thế đối lập tuyệt đối do sự tồn tại đông đảo của tầng lớp trung gian. Do vậy, khi xem xét cơ cấu xã hội theo góc độ cơ cấu giai cấp, về cơ bản trong xã hội chỉ có hai giai cấp đặc trưng là giai cấp địa chủ phong kiến và nông dân tá điền. Xét theo cơ cấu đẳng cấp, đó là sự kết hợp các yếu tố chức tước, bằng cấp, địa vị, tuổi tác và được phân chia thành ba đẳng cấp chính là quan lại; bộ phận đông đảo là đẳng cấp bị trị gồm: nông dân, thợ thủ công, thương nhân; và nho sĩ. Trong hai loại quan hệ cơ cấu trên, quan hệ đẳng cấp là nổi trội và rõ nét, còn quan hệ giai cấp thì mờ nhạt hơn.

Trong xã hội phong kiến, tầng lớp quý tộc - quan liêu có nhiệm vụ giúp vua cai trị quần chúng bình dân và địa vị trong xã hội của họ được nhà vua gán cho. Họ không phải là một đẳng cấp thuần nhất, ổn định mà thường thay đổi khi triều đại thay đổi. Trong thời kỳ này, đã xuất hiện tầng lớp nho sĩ đứng trong hàng ngũ quan lại. Họ có được địa vị trong xã hội là do sự phấn đấu và tài năng của họ thông qua con đường khoa cử. Sự xuất hiện của họ trong hàng ngũ quan lại thể hiện địa vị đạt được của tầng lớp nho sĩ trong bộ máy nhà nước. Sự di động xã hội của tầng lớp này thường ổn định hơn tầng lớp quý tộc, quan lại được vua ban cho.

Một đặc trưng khá nổi bật về cơ cấu giai tầng xã hội thời kỳ này là sự phân tầng theo tiêu chí nghề nghiệp với trật tự: sĩ, nông, công, thương. Mặc dù thứ bậc có sự thay đổi theo thời gian “*nhất sĩ, nhì nông, hết gạo chạy rồng nhất nông, nhì sĩ*” nhưng nó đã phản ánh rõ nét sự phản kháng lại sự phân tầng cứng nhắc trong xã hội truyền thống. Như vậy, cơ cấu giai tầng thời kỳ này là sự tồn tại đan xen và chồng chéo giữa các giai cấp, tầng lớp. Tính đa chiều trong các giai tầng xã hội được thể hiện tương đối rõ nét. Sự phân chia các giai tầng xã hội chủ yếu dựa trên các tiêu chí: chức tước, địa vị, bằng cấp, tài sản, nghề nghiệp, tuổi và học vấn... Sự di động xã hội chủ yếu là di động ngang giữa các giai tầng, riêng tầng lớp nho sĩ thể hiện sự di động dọc khá rõ.

2. Cơ cấu giai tầng thời kỳ từ 1858 đến trước 1986

Trong giai đoạn từ 1858 đến 1945, ở nước ta sự tồn tại đồng thời của cả hai phương thức sản xuất tư bản và phong kiến với những lực lượng xã hội đại diện

cho hai phương thức là địa chủ - nông dân, tư sản - vô sản đã làm cho cơ cấu giai tầng xã hội biến đổi rất phức tạp. Nó phá vỡ mô hình cứng nhắc của xã hội cũ, tạo nền tảng cho một cấu trúc xã hội mới với các giai tầng: nông dân, công nhân, địa chủ, thợ thủ công, tiểu thương và tư sản... Giai cấp nông dân đại diện cho xã hội cũ phân hoá sâu sắc thành ba tầng lớp: *trung nông, bản nông và cố nông*. Họ vừa bị địa chủ phong kiến bóc lột, vừa bị chính sách nô dịch của thực dân Pháp đẩy họ vào con đường bán cùng hoá. Giai cấp công nhân ngày một phát triển và lớn mạnh trở thành lực lượng đông đảo trong xã hội. Tầng lớp tiểu tư sản nằm ở vị trí trung gian trong xã hội, đây là tầng lớp có sự phân hoá, biến động liên tục và chuyển dần từ một tầng lớp xã hội sang một giai cấp xã hội. Lực lượng tiểu thương, thợ thủ công chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong xã hội. Họ vừa làm nông nghiệp vừa làm thêm các nghề thủ công hay buôn bán. Trong cấu trúc xã hội, tầng lớp sĩ phu vẫn tiếp tục được đặt ở vị trí hàng đầu trong trật tự đẳng cấp: sĩ - nông - công - thương.

Sự xuất hiện thêm các giai tầng xã hội mới trong thời kỳ này đã bổ sung và làm tăng thêm tính phức tạp, đa dạng, nhiều chiều trong cơ cấu giai tầng. Trong xã hội, nhân tố kinh tế bắt đầu trở thành một thước đo giá trị chi phối các quan hệ xã hội và xác định thành phần giai cấp, vị trí xã hội của mỗi thành viên. Sự vận động, biến đổi của cơ cấu giai tầng trong bối cảnh chung của xã hội thuộc địa cùng với sự phát triển kinh tế đã làm cho sự phân hoá xã hội càng sâu sắc và gay gắt hơn.

Trong thời kỳ từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước đổi mới, về cơ bản, cơ cấu giai cấp có kết cấu đơn giản chỉ bao gồm “*hai giai, một tầng*” - giai cấp công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa. Một xã hội đa cực được thu gọn lại trong kết cấu đóng của nền kinh tế thuần nhất dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức sở hữu *toàn dân* và *tập thể*. Chế độ hành chính, quan liêu, bao cấp mà đặc trưng chủ yếu là “*chủ nghĩa bình quân*” chia đều sự nghèo khổ, là sự “*cào bằng*” xã hội đã tạo ra sự bất bình đẳng, bất công bằng trong xã hội, kìm hãm sự phát triển cá nhân và xã hội. Trong xã hội đó, sự thăng tiến của cá nhân bị kiểm chế, sự di động dọc của tầng lớp nho sĩ trước đây tạm dừng và sự di động trong xã hội chủ yếu là di động ngang giữa các giai cấp.

Xã hội Việt Nam cho đến trước thời điểm đổi mới vẫn là một xã hội nông nghiệp lạc hậu: “...cơ cấu xã hội Việt Nam là một cơ cấu xã hội có những nét đặc thù với sự phân hoá xã hội, sự phân tầng giai cấp không rõ ràng, triệt để, với sự bảo lưu quá lâu dài của tất cả các hình thái xã hội đã từng tồn tại trong lịch sử”⁽²⁾. Sự chênh lệch về mức sống vật chất, phân hoá giàu nghèo giữa các giai tầng tuy có nhưng không lớn. Trong xã hội không có sự đối lập, xung đột về ý thức giai cấp và chế độ công hữu duy nhất về tư liệu sản xuất đã làm cho đa số dân cư trong các giai tầng xã hội sống trong tình trạng nghèo đói.

Quá trình biến đổi cơ cấu giai tầng xã hội trong lịch sử Việt Nam cho đến trước thời điểm đổi mới là hết sức lâu dài, chậm chạp, bị chi phối bởi quá nhiều

những tác động khách quan và chủ quan. Đó là sự thống trị của các thể lực phong kiến và sự đô hộ của thực dân đế quốc ngoại bang. Cùng với những yếu tố nội tại, tự nhiên và những nét đặc thù của cơ cấu xã hội tiểu nông. Trong xã hội vẫn luôn tồn tại sự phân tầng, phân hoá giai cấp, đẳng cấp, song sự phân hoá chưa thật rõ ràng, ranh giới giữa các giai tầng trong xã hội không rạch ròi, trong mỗi giai tầng xã hội đều có chứa đựng những yếu tố đặc trưng của giai cấp, tầng lớp khác.

3. Cơ cấu giai tầng xã hội từ năm 1986 đến nay

Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986), Đại hội của đổi mới đánh dấu sự chuyển đổi từ mô hình kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường và thực hiện nhất quán chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, dựa trên nhiều hình thức sở hữu đã hình thành một cơ cấu giai tầng xã hội mới đa dạng, phức tạp khác hẳn với cơ cấu đơn giản “*hai giai, một tầng*” trước đây. Sự đa dạng thể hiện ở chỗ các giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội đan xen, thâm nhập vào nhau bởi nhiều mối quan hệ, tạo nên sự phân hoá, phân tầng trong nội bộ mỗi giai cấp, tầng lớp xã hội. “Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội”⁽³⁾.

Trong thời kỳ này, đặc biệt từ những năm 90 của thế kỷ XX, mức sống của đại đa số dân cư đã tăng lên đáng kể. Sự chênh lệch về mức sống ngày càng gia tăng tạo ra sự phân hoá, phân tầng rõ nét hơn trong hầu hết các giai tầng xã hội. Theo kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê từ năm 1990 đến nay cho thấy, khoảng cách chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người/tháng giữa 20% số hộ có mức thu nhập thấp nhất với 20% số hộ có mức thu nhập cao nhất ngày càng có xu hướng tăng lên: năm 1990 là 4,1 lần; năm 1995 là 7,0 lần; năm 1999 là 7,6 lần; năm 2002 là 8,1 lần; năm 2004 là 8,3 lần và năm 2006 là 8,4 lần. Khoảng cách chênh lệch về mức chi tiêu cho đời sống của nhóm hộ giàu nhất với nhóm hộ nghèo nhất cũng tăng: năm 1999 là 4,2 lần; năm 2002 là 4,45 lần; năm 2004 là 4,45 lần và năm 2006 là 4,54 lần⁽⁴⁾.

Sự phân hoá, phân tầng xã hội đang làm biến đổi sâu sắc cơ cấu xã hội và tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của xã hội. Các giai cấp, tầng lớp trong xã hội phát triển và biến đổi mạnh mẽ dẫn đến hình thành một cơ cấu xã hội mới theo vị thế, bổ sung hoặc thay thế cho cơ cấu xã hội - giai cấp cũ. Trong điều kiện xã hội như vậy, sự di động xã hội diễn ra mạnh mẽ giữa các giai cấp, tầng lớp. Nó thể hiện ở sự di động ngang của những nhóm người chuyển từ giai cấp này sang giai cấp khác và cả di động dọc trong nội bộ mỗi giai tầng xã hội, thậm chí có thể phát triển thành một giai cấp, tầng lớp xã hội mới hoặc nhập vào các giai cấp, tầng lớp khác. Điều đó cho thấy, cơ cấu giai tầng xã hội ở nước ta hiện nay có kết cấu đa dạng, phức tạp và đan xen có tính giáp ranh giữa giai cấp, tầng

lớp, nhóm xã hội. Có thể khái quát bức tranh về cơ cấu giai tầng xã hội bao gồm các giai cấp, tầng lớp xã hội cơ bản sau:

- **Giai cấp công nhân** là một lực lượng xã hội to lớn gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp. Cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giai cấp công nhân đã tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên và ngày càng được trí thức hoá. Lực lượng công nhân trẻ có học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ được khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại, tạo ra những sản phẩm có giá trị cho xã hội đang trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

Theo số liệu thống kê, năm 1986 cả nước chỉ có 3,38 triệu công nhân, chiếm 16% lực lượng lao động xã hội; năm 2003 số lượng công nhân đã tăng lên 6,6 triệu. Đến đầu năm 2007, tổng số công nhân trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế khoảng 9,5 triệu người, chiếm 11% dân số và 21% lao động xã hội, hàng năm tạo ra khối lượng sản phẩm chiếm trên 70% thu nhập quốc dân, đảm bảo trên 60% ngân sách nhà nước. Cơ cấu giai cấp công nhân theo các ngành kinh tế như sau: công nhân làm việc trong ngành công nghiệp chiếm 44,8%, ngành xây dựng chiếm 9,78%, ngành thương mại, dịch vụ chiếm 24,46%, vận tải chiếm 6,69% và các ngành khác chiếm 49,24%⁽⁵⁾. Hiện nay, công nhân làm việc trong khu vực kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể có xu hướng giảm, trong khi đó số lượng công nhân khu vực kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng lên.

Ở nước ta, đa phần công nhân xuất thân từ nông dân chưa được đào tạo cơ bản nên tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động còn nhiều hạn chế. Sự phân hoá trong nội bộ giai cấp về trình độ học vấn, chuyên môn, mức sống, lối sống và sự khác biệt về lợi ích giữa các bộ phận công nhân trong các ngành nghề, giữa các thành phần kinh tế đã làm biến động về cơ cấu, hình thành những mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp. Thực tế trên cho thấy, địa vị chính trị của giai cấp công nhân chưa được thể hiện đầy đủ và chưa phát huy được vai trò nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là điều kiện tiên quyết đảm bảo sự thành công của công cuộc đổi mới. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X khẳng định: *“Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”* nhằm tạo điều kiện, cơ sở và phương tiện để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử to lớn của mình.

- **Giai cấp nông dân** chiếm hơn 70% dân số cả nước, cơ cấu giai cấp nông dân đa dạng, phức tạp gồm nhiều bộ phận, nhiều tầng lớp và nhóm xã hội. Trong giai cấp nông dân, ngoài bộ phận nông dân làm nông nghiệp thuần túy đã xuất hiện nông dân - trí thức, nông dân - công nghiệp, cùng với đội ngũ những người lao động thủ công, dịch vụ và lao động chuyên đi làm thuê. Cơ cấu giai cấp nông dân ngày càng đa dạng theo hướng giảm dần lao động đơn

giảm, sản xuất nhỏ và lao động thủ công nghiệp, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ sinh hoạt sẽ tăng lên, một bộ phận nông dân lao động mang tính chất trí thức ngày càng nhiều.

Trong những năm gần đây, diện tích đất sản xuất nông nghiệp giảm nhanh, từ năm 2002 đến năm 2007, bình quân mỗi năm có khoảng 73.000 ha đất nông nghiệp bị thu hồi để xây dựng các khu, cụm công nghiệp và đô thị. Mỗi năm có 2,5 triệu nông dân mất tư liệu sản xuất, rơi vào cảnh “ăn không, ngồi rồi”. Cùng với quá trình đó tất yếu dẫn đến tỷ lệ nông dân trong xã hội giảm cả về số lượng lao động nông nghiệp và số hộ thuần nông. Đồng thời, xuất hiện tình trạng một bộ phận nông dân rời khỏi mảnh đất canh tác, bỏ nghề truyền thống để gia nhập vào các giai tầng khác trong xã hội. Nhiều người nông dân giàu lên nhờ bán đất ở khu vực đô thị hoá, có điều kiện để chuyển sang những ngành nghề phi nông nghiệp và có thể trở thành giai tầng xã hội khác. Bên cạnh đó, một bộ phận nông dân không có đất canh tác rơi vào tình trạng thất nghiệp và trở thành những người chuyên đi làm thuê, bán sức lao động. Sự phân hoá giàu nghèo, chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền, thậm chí ngay trong nội bộ giai cấp nông dân có xu hướng tăng lên.

Trong những năm gần đây, nông nghiệp có biểu hiện tăng trưởng chậm lại và kém bền vững. Mức sống của nông dân nhìn chung vẫn còn thấp và chậm được nâng cao. Tốc độ tăng giá trị sản xuất nhóm ngành nông, lâm nghiệp - thuỷ sản gần đây có xu hướng giảm dần: năm 2000 tăng 7,3%, năm 2005 chỉ còn 4,9% và năm 2007 là 4,6%. Trong đó, nông nghiệp còn giảm mạnh hơn (tương ứng là 5,4%; 3,2% và 2,9%)(⁶). Cho đến nay, nông nghiệp, nông thôn, nông dân nước ta đang đứng trước những khó khăn, thách thức mới. Do vậy, cần tăng cường mối liên kết “4 nhà”: nhà nông, nhà nước, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp để không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. “Tạo điều kiện thuận lợi để giúp nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Khuyến khích nông dân hợp tác với các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại để phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống. Tăng hiệu quả sử dụng đất, tiêu thụ nông sản hàng hoá. Hỗ trợ và khuyến khích nông dân học nghề, tiếp nhận và áp dụng thành tựu khoa học, công nghệ”(⁷). Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” để khẳng định vị thế chính trị và vai trò của giai cấp nông dân trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- **Tầng lớp trí thức** trong lịch sử vận động của cơ cấu xã hội chưa bao giờ trở thành một giai cấp mà chỉ tập hợp thành một tầng lớp xã hội. Trí thức luôn là nền tảng tiến bộ của xã hội, là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức, là nguồn lực đặc biệt quan trọng tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia. Đội ngũ trí thức Việt Nam xuất thân từ nhiều giai tầng xã hội mà chủ yếu được hình thành trong quá trình trí thức hoá giai cấp công nhân, nông dân và được đào tạo từ nhiều nguồn cả trong nước, ngoài nước. Cùng với sự phát triển của đất nước,

đội ngũ trí thức ngày càng tăng nhanh về số lượng, nâng lên về chất lượng và phát huy vai trò trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tầng lớp trí thức ở nước ta hiện nay đang diễn ra quá trình biến đổi nhanh chóng về cơ cấu, phong phú về loại hình nghề nghiệp, đa dạng về nguồn đào tạo, thành phần xã hội và giai tầng xuất thân. Do đó, sự phân tầng về thu nhập, phân hoá giàu nghèo, phân hoá về lối sống..., diễn ra khá mạnh mẽ giữa các khu vực kinh tế, giữa các ngành, nghề khác nhau. Theo số liệu thống kê, hiện nay nước ta có khoảng 2,6 triệu người có trình độ đại học trở lên, chiếm 4,5% lực lượng lao động, trong đó, có trên 18.000 thạc sĩ, 16.000 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, trên 6.000 giáo sư, phó giáo sư⁽⁸⁾. Ước tính tổng số trí thức, công chức, viên chức của cả nước có khoảng 3,5 triệu người. Trí thức làm việc trong khu vực sự nghiệp chiếm khoảng 71%, khu vực hành chính chiếm gần 22% và khu vực kinh doanh khoảng 7%. Trí thức Việt Nam ở nước ngoài có khoảng 400 nghìn người, chiếm trên 10% số người Việt Nam đang ở nước ngoài. Họ là tầng lớp có khả năng tiếp nhận tri thức mới và ứng dụng những thành tựu về khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại thúc đẩy nhanh tiến trình hội nhập quốc tế.

Ngày nay, đội ngũ trí thức có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Họ trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài và đóng góp tích cực vào việc xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đại hội X của Đảng khẳng định: “Khuyến khích các trí thức, các nhà khoa học phát minh, sáng tạo. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ xứng đáng những cống hiến của trí thức cho công cuộc phát triển đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện của các hội khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và văn học, nghệ thuật đối với các dự án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội”⁽⁹⁾. Bên cạnh đó cần có chính sách đãi ngộ, tôn vinh trí thức, lập các giải thưởng quốc gia, phong tặng các chức danh khoa học, các danh hiệu cao quý và tạo động lực thúc đẩy sự sáng tạo, cống hiến của đội ngũ trí thức. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” một lần nữa khẳng định vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức trong chiến lược phát triển của đất nước.

- **Tầng lớp doanh nhân** có nguồn gốc xuất thân từ mọi thành phần trong xã hội như: công nhân, tiểu thương, trí thức, nông dân..., biết sản xuất, kinh doanh giỏi. Họ là lực lượng chủ lực trong việc tiếp thu và áp dụng những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ hiện đại vào quá trình sản xuất nhằm tạo ra những sản phẩm hàng hoá chất lượng cao, góp phần quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế. Tầng lớp doanh nhân ngày càng phát triển nhanh về số lượng và chất lượng, các doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân trong các thành phần kinh tế sẽ thu hút ngày càng đông các giai tầng khác trong xã hội, nhất là giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và kiều bào ta ở nước ngoài tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh để xây dựng, phát triển đất nước.

Ngày nay, tầng lớp doanh nhân thực sự đã trở thành "lực lượng chủ công, đội quân xung kích" trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Các doanh nhân đã nhanh chóng tiếp cận với cơ chế thị trường, tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất, kinh doanh. Họ tạo thêm được nhiều ngành, nghề mới, thu hút hàng triệu triệu lao động, đóng góp phần không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế của đất nước. Đảng ta chỉ rõ: "Đối với *doanh nhân*, tạo điều kiện phát huy tiềm năng và vai trò tích cực trong phát triển sản xuất kinh doanh; mở rộng đầu tư trong nước và ở nước ngoài; giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hoá Việt Nam"⁽¹⁰⁾. Với những đóng góp to lớn của giới doanh nhân, Thủ tướng Chính phủ quyết định lấy ngày 13 tháng 10 hàng năm làm ngày truyền thống Doanh nhân Việt Nam. Điều đó khẳng định, vị trí xã hội của giới doanh nhân đã được đưa lên ngang hàng với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác và giới doanh nhân thực sự được công nhận như một chủ thể trong xã hội.

- **Tầng lớp thanh niên** là lực lượng xã hội to lớn, là chủ nhân tương lai của đất nước, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Thanh niên ở trong độ tuổi sung sức nhất về thể chất, phát triển về trí tuệ, luôn năng động, sáng tạo, có ước mơ, hoài bão lớn, có tri thức và kỹ năng làm chủ khoa học - công nghệ hiện đại. Theo số liệu thống kê năm 2004, số thanh niên có trình độ đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp ngày càng tăng: năm 2000 cả nước có 1.154.900 người, đến năm 2003 tăng lên 1.491.000 người⁽¹¹⁾.

Trong những năm qua, cơ cấu thanh niên có sự biến đổi mạnh mẽ, một bộ phận thanh niên có ý chí vươn lên trong học tập, lao động, biết làm giàu chính đáng trong cơ chế thị trường. Họ chính là thế hệ thanh niên thời kỳ mới có đạo đức, nhân cách, tri thức, sức khoẻ, năng động, sáng tạo và sống có trách nhiệm với gia đình và xã hội, xứng đáng được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận thanh niên sống thiếu ý tưởng, thực dụng, có lối sống không lành mạnh đang làm gia tăng tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh niên. Học vấn của một bộ phận thanh niên, nhất là thanh niên ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn thấp. Từ thực tế trên, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá" nhằm tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thanh niên rèn luyện, khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm và nâng cao thu nhập, đồng thời phát huy vai trò, sức mạnh của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngoài các giai tầng xã hội cơ bản nêu trên, trong xã hội còn có các tầng lớp, nhóm xã hội khác như: phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi, các dân tộc, các tôn giáo và đồng bào định cư ở nước ngoài..., là những thành phần cấu thành giai tầng xã hội. Bức tranh về cơ cấu giai tầng xã hội ở nước ta trong quá trình

phát triển của lịch sử phản ánh sự vận động của xã hội qua các thời kỳ lịch sử khác nhau và được thể hiện rõ ràng nhất trong quá trình đổi mới đất nước.

Trong quá trình đổi mới đất nước, những biến đổi trong cơ cấu giai tầng xã hội sẽ tiếp tục diễn ra khá sôi động, phổ biến với nhiều chiều cạnh khác nhau và hiện diện ở cả thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền, trong các giai cấp, tầng lớp, thậm chí nó diễn ra ngay trong nội bộ mỗi giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội. Những biến đổi trong cơ cấu giai tầng xã hội sẽ có tác động tích cực, kích thích mạnh mẽ sự chuyển đổi kinh tế, làm tăng tính cơ động xã hội và sự phân công lại lao động xã hội một cách hợp lý. Song nó cũng bộc lộ những mặt tiêu cực, đó là sự xuất hiện một bộ phận làm giàu phi pháp: tham nhũng, buôn gian, bán lận, đầu cơ, lừa đảo... Do vậy, để đánh giá xu hướng biến đổi cơ cấu giai tầng xã hội, cũng như những tác động của nó tới các khía cạnh phát triển xã hội đòi hỏi chúng ta cần phải nghiên cứu một cách nghiêm túc cả về mặt lý luận và thực tiễn từng giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội để nhìn nhận chính xác về các giai tầng trong xã hội, từ đó giúp Đảng và Nhà nước hoạch định đường lối, chính sách phù hợp đối với từng giai tầng nhằm tạo điều kiện cho xã hội phát triển theo hướng công bằng, dân chủ, văn minh.

Chú thích

1. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Cơ cấu xã hội trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 46.
2. Nguyễn Quang Ngọc, *Sđd*, tr 303.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 85.
4. Tổng cục Thống kê, *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2006*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2008.
5. Đặng Ngọc Tùng (chủ biên), *Xây dựng, phát huy vai trò giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2008, tr 49-54.
6. Phạm Thắng, *Giải pháp nào cho sự phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn hiện nay*, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, số 16 (160) năm 2008.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 118-119.
8. Trường Lưu, *Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới*, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, số 17 (161) năm 2008.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 119.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 119.
11. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê năm 2004*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2004, tr 483- 487.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khoá X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khoá X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
5. Trường Lưu, *Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới*, Tạp chí Cộng sản điện tử, số 17 (161) năm 2008.
6. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Cơ cấu xã hội trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
7. Phạm Thắng, *Giải pháp nào cho sự phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn hiện nay*, Tạp chí Cộng sản điện tử, số 16 (160) năm 2008.
8. Đặng Ngọc Tùng (chủ biên), *Xây dựng, phát huy vai trò giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2008.
9. Tổng cục Thống kê, *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2006*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2008.